

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **148/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/8/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T. - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T. tham gia phiên tòa:
Ông Lê Trọng Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Phạm Trọng N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ B, ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị C có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:

Chị và anh Phạm Trọng N kết hôn vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 14/12/2012. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường hay uống rượu và đánh chị, chị và anh N đã sống ly thân khoảng 05 năm nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung là C, sinh ngày 24/10/2012. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng

nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Trọng N vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị C không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn – anh Phạm Trọng N nhưng anh N vắng mặt không lý do, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Phạm Trọng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị C thì sau khi chị và anh N kết hôn và chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường hay uống rượu và đánh chị, chị và anh N đã sống ly thân khoảng 05 năm nay. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh N. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện hòa giải cho chị C và anh N đoàn tụ nhưng chị C vẫn cương quyết xin ly hôn còn anh N vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã

thực sự trầm trọng, anh N có thái độ bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với chị C. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Chị C và anh N có 01 con chung là C, sinh ngày 24/10/2012. Ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo chị C trình bày thì hiện chị đang làm công việc tự do với mức thu nhập hàng tháng khoảng 6.500.000đ, đủ khả năng nuôi con. Xét thấy, hiện cháu C đang sống cùng với chị C và nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với mẹ, do đó giao cháu C cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị C không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị C trình bày chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, anh N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn với anh Phạm Trọng N.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh C, sinh ngày 24/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời anh Phạm Trọng N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Trọng N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết, các bên được quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị C đã nộp tại biên lai số 0003234 ngày 10/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị C đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Phạm Trọng N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Ngọc

